

Số: /TB-TT-CLT

Hà Nội, ngày

tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Danh sách giống lúa, ngô đối chứng
trong khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng

Kính gửi:

Căn cứ Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 13381-1: 2023 “Giống cây trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng; Phần 1- Giống lúa” và TCVN 13381-2: 2021 “Giống cây trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng; Phần 2- Giống ngô”;

Xét Công văn số 185/CV-KNGQG-HCTH ngày 24/4/2024 của Trung tâm Khảo kiểm nghiệm Giống, SPCT Quốc gia;

Xét Biên bản cuộc họp ngày 29/5/2024 theo nội dung Giấy mời số: 29/GM-TT-CLT ngày 14/5/2024 của Cục Trồng trọt.

Cục Trồng trọt thông báo:

1. Danh sách giống lúa, ngô đối chứng trong khảo nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng chi tiết theo Danh sách đính kèm.
2. Tổ chức khảo nghiệm diện hẹp và khảo nghiệm diện rộng giống lúa, ngô (khảo nghiệm VCU) được công nhận theo quy định căn cứ vào Danh sách này để lựa chọn, sử dụng giống đối chứng cho phù hợp với nhóm giống do tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm, đồng thời có trách nhiệm đề xuất với Cục Trồng trọt bổ sung giống đối chứng mới phù hợp với thực tiễn sản xuất.
3. Đối với các giống đăng ký khảo nghiệm mới ở những vùng sinh thái chưa có giống đối chứng, tổ chức khảo nghiệm căn cứ vào tờ khai kỹ thuật của đơn vị gửi giống khảo nghiệm để tiến hành khảo nghiệm theo quy định.
4. Đối với các giống lúa, ngô đã có kết quả khảo nghiệm và đang thực hiện khảo nghiệm có sử dụng giống đối chứng theo các quy định trước Thông báo này được sử dụng kết quả khảo nghiệm để xem xét, đề nghị cấp quyết định công nhận lưu hành giống nếu đáp ứng được yêu cầu theo qui định tại TCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng đối với giống lúa, ngô.

5. Thông báo này thay thế Thông báo số 1375/TB-TT-CLT ngày 13/12/2021.

Đề nghị các tổ chức khảo nghiệm VCU giống lúa, ngô và các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các lãnh đạo Cục;
- Phòng KHTH;
- Các tổ chức khảo nghiệm được công nhận;
- Văn phòng Cục (để đăng tải trên website của Cục);
- Lưu VT, CLT.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Như Cường

Phụ lục 1:
DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ
TRONG KHẢO NGHIỆM DIỆN HẸP VÀ KHẢO NGHIỆM DIỆN RỘNG
VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC, ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ BẮC TRUNG BỘ
(Kèm theo Thông báo số /TT-CLT ngày tháng năm 2024
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

I. Đối với lúa:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Lúa thuần	Lúa lai
I	Nhóm lúa tẻ Indica		
1	Nhóm lúa tẻ năng suất cao	Cực ngắn ngày: PC6	- Lai 2 dòng: TH3-3, VL20, LP1601 - Lai 3 dòng: Nhị ưu 838, LC25
		Ngắn ngày: Khang dân 18, ADI 28	
		Trung ngày: BC15.	
2	Nhóm lúa tẻ chất lượng cao	Cực ngắn ngày: PC6	- Lai 2 dòng: MHC2, Lai thơm 6 - Lai 3 dòng: HKT99, Thái Xuyên 111, LY2099
		Ngắn ngày: TBR225, Bắc Thịnh, Hương thơm số 1, TBR97	
		Trung ngày: BC15	
3	Nhóm lúa tẻ thơm	Bắc thơm số 7, Hương thơm số 1	
4	Nhóm giống giống lúa cảm quang	Bao thai lùn	
II	Nhóm lúa tẻ Japonica	VAAS16, J02	
III	Nhóm lúa nếp	Nếp N97, Nếp 87, Nếp thơm Hưng Yên, Nếp Hương, Nếp 415, Nếp cái hoa vàng (Nhóm giống lúa cảm quang)	
IV	Nhóm lúa có giá trị về dinh dưỡng	Nhóm lúa tẻ: Thảo dược Vĩnh Hòa 1 Nhóm lúa nếp: T68, ĐH8, ĐH9	
V	Nhóm chịu mặn	SHPT5	

II. Đối với ngô:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Tên giống
1	Nhóm ngô tẻ lấy hạt	Chín sớm: LVN99, LVN885
		Chín trung bình: C.P.511, VN5885, LVN61, LVN092, NK4300, B258, DK6919
		Chín muộn: LVN10
2	Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao	NK6253, LCH9, HQ2000
3	Nhóm ngô tẻ sinh khối	NK7328, C.P.512, C.P.111, LCH9, VN172
4	Nhóm ngô nếp	Nếp trắng: HN88, ADI668, HN68, MX10, MX6 Nếp nhiều màu: HANA627, HANA608, Nếp hoa HN66 (Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ) Nếp 1 màu: Funcy111 Nếp đường: TBM18, HN268 (Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ)
5	Nhóm ngô đường	SW1011, Thái ngọt số 2, Golden Cob (Đồng bằng sông Hồng)

Phụ lục 2:
DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ
TRONG KHẢO NGHIỆM DIỆN HẸP VÀ KHẢO NGHIỆM DIỆN RỘNG
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ
(Kèm theo Thông báo số /TT-CLT ngày tháng năm 2024
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

I. Đối với lúa:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Lúa thuần	Lúa lai
I	Nhóm lúa tẻ Indica		
1	Nhóm lúa tẻ năng suất cao	Cực ngắn ngày: DCG72	Lai 2 dòng: HYT108, C.P.134 Lai 3 dòng: Nhị ưu 838, HR182
		Ngắn ngày: TH6, ML202	
		Trung ngày: Thiên ưu 8, DT45, MT10	
2	Nhóm lúa tẻ chất lượng cao	Cực ngắn ngày: DCG72	
		Ngắn ngày: An sinh 1399 (ANS1), Thiên Hương 6, QNg128, QNg13	
		Trung ngày: Hương Xuân, Hà Phát 3, Bắc Thịnh, TBR97, Hương thơm số 1	
3	Nhóm lúa tẻ thơm	Đài thơm 8, Hương thơm số 1	
II	Nhóm lúa tẻ Japonica	J02	
III	Nhóm lúa nếp	Nếp 87, Nếp N97	

II. Đối với ngô:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Tên giống
1	Nhóm ngô tẻ lấy hạt	Chín sớm: VS6939
		Chín trung bình: CP333, PAC339, LVN61, C.P.811
		Chín muộn: LVN10
2	Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao	VS6939
3	Nhóm ngô tẻ sinh khối	NK7328, C.P.512, C.P.111
4	Nhóm ngô nếp	- Nếp trắng: HN88, ADI668, HN68, MX6. - Nếp nhiều màu: HANA608. - Nếp 1 màu: Funcy111. - Nếp đường: HANA865, TBM18.
5	Nhóm ngô đường	Thái ngọt số 2

Phụ lục 3:
DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ
TRONG KHẢO NGHIỆM DIỆN HẸP VÀ KHẢO NGHIỆM DIỆN RỘNG
VÙNG TÂY NGUYÊN
(Kèm theo Thông báo số /TT-CLT ngày tháng năm 2024
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

I. Đối với lúa:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Lúa thuần	Lúa lai
I	Nhóm lúa tẻ Indica		
1	Nhóm lúa tẻ năng suất cao	DT45	Lai 2 dòng: HYT108, C.P.134. Lai 3 dòng: Nhị ưu 838, HR182
2	Nhóm lúa tẻ chất lượng cao	Ngắn ngày: An sinh 1399 (ANS1), Thiên Hương 6, QNg128	
		Trung ngày: Hà Phát 3, Bắc Thịnh, Hương thơm số 1, TBR97	
3	Nhóm lúa tẻ thơm	Đài thơm 8, Hương thơm số 1	
II	Nhóm lúa tẻ Japonica		
III	Nhóm lúa nếp	Nếp 87, N97	

II. Đối với ngô:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Tên giống
1	Nhóm ngô tẻ lấy hạt	Chín trung bình: C.P.511, VN5885, LVN61, LVN092, B9698, B06, DK6919, PAC339
		Chín muộn: LVN10
2	Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao	VS6939, NK6253
3	Nhóm ngô tẻ sinh khối	NK7328, C.P.512, C.P.111
4	Nhóm ngô nếp	Nếp trắng: HN88, MX6 Nếp đường: HANA865, TBM18 Nếp 1 màu: Funcy111 Nếp nhiều màu: Tím dẻo 926, HANA627, HANA608 Nếp vàng: YELLOW KING
5	Nhóm ngô đường	HANA01836, NOVA5649, Thái ngọt số 2

Phụ lục 4:
DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ
TRONG KHẢO NGHIỆM DIỆN HẸP VÀ KHẢO NGHIỆM DIỆN RỘNG
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
(Kèm theo Thông báo số /TT-CLT ngày tháng năm 2024
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

I. Đối với lúa:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Lúa thuần	Lúa lai
I	Nhóm lúa tẻ Indica		
1	Nhóm lúa tẻ năng suất cao	Cửu long 555, OM 380, OM5451, OM18, ML202	HR182
2	Nhóm lúa tẻ chất lượng cao	OM5451, OM18	
3	Nhóm lúa tẻ thơm	Nàng Hoa 9, VĐ 20, Đài thơm 8, ST24	
II	Lúa Japonica	Japo 3 mùa	
III	Luá dinh dưỡng	SR20	
IV	Nhóm lúa nếp	IR4625	

II. Đối với ngô:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Tên giống
1	Nhóm ngô tẻ lấy hạt	Chín trung bình: C.P.511, LVN61, B9698, DK6919, PAC339
		Chín muộn: LVN10
2	Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao	VS6939
3	Nhóm ngô tẻ sinh khối	NK7328, P4311, C.P.512, C.P.111
4	Nhóm ngô nếp	Nếp trắng: Bạch Long, VH686, MX10, ADI668, HN88 Nếp nhiều màu: Tím dèo 926, Tím hoa 35, HANA608 Nếp 1 màu: Funcy 111 Nếp đường: HANA685
5	Nhóm ngô đường	Honey10, HANA01836, SW1011

Phụ lục 5:
DANH SÁCH GIỐNG ĐỐI CHỨNG LÚA, NGÔ
TRONG KHẢO NGHIỆM DIỆN HẸP VÀ KHẢO NGHIỆM DIỆN RỘNG
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
(Kèm theo Thông báo số /TT-CLT ngày tháng năm 2024
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

I. Đối với lúa:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Lúa thuần	Lúa lai
I	Nhóm lúa tẻ Indica		
1	Nhóm lúa tẻ năng suất cao	A0: Cửu long 555, OM380	Lai 2 dòng: CP134 Lai 3 dòng: B-TE1, HR182, LY2099
		A1: OM5451, OM18, ML202	
		A2: OM7347	
2	Nhóm lúa tẻ chất lượng cao	A1: OM5451, OM18	
		A2: OM4900, OM7347	
3	Nhóm lúa tẻ thơm	Nàng Hoa 9, Đài thơm 8, ST24, VĐ20, HP1	
II	Nhóm lúa tẻ Japonica	ĐS1, Hananomai	
III	Nhóm lúa nếp	IR4625, Nếp AG	
IV	Nhóm lúa có giá trị về dinh dưỡng	ST3 đỏ	
V	Nhóm lúa chịu mặn	OM2517, ST 5, Một bụi đỏ	

II. Đối với ngô:

TT	Nhóm giống theo mục đích sử dụng	Tên giống
1	Nhóm ngô tẻ lấy hạt	Chín trung bình: LVN61, DK6919, PAC339
		Chín muộn: LVN10
2	Nhóm ngô tẻ lấy hạt có hàm lượng protein cao	VS6939
3	Nhóm ngô tẻ sinh khối	NK7328, P4311, C.P.512, C.P.111
4	Nhóm ngô nếp	Nếp trắng: Bạch Long, VH686, MX10, ADI668, HN88; Nếp nhiều màu: Tím dẻo 926, HANA608. Nếp đường: HANA685
5	Nhóm ngô đường	Golden Cob, Honey10, HANA01836, SW 1011; Thái Ngọt số 2